

Số: 18/2025/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Chu Thị Vân.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:*** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 326/2024/TLST-VLĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 06/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1981; thường trú: 116/10 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Căn cước công dân số: 038181024406). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Công ty Cổ phần P1; trụ sở: Đường số B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Minh T, sinh năm 1989; chức vụ: Nhân viên nhân sự (Giấy ủy quyền ngày 06/01/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bà Vũ Thị P, sinh năm 1985; thường trú: Tổ I, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Đường số A, KDC V, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Vũ Thị H trình bày: Từ tháng 7/2004 đến tháng 6/2005 bà H làm việc tại Công ty TNHH Q và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9103050456. Nay bà H tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng. Nguyên nhân là do bà Vũ Thị P sử dụng thông tin của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 trong khoảng thời gian từ tháng 6/2004 đến tháng 12/2004 và từ tháng 10/2006 đến tháng 08/2007. Vì vậy, bà H bị trùng bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian bà P sử dụng thông tin ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1. Bà H xác định chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 không phải là bà nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật và bị vô hiệu. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, khi đó bà P chưa đủ tuổi ký kết hợp đồng lao động, không có việc làm để nuôi bản thân nên bà đã cho mượn hồ sơ của mình để đi làm việc mà không nghĩ đến hậu quả pháp lý như hiện nay. Ngoài mục đích cho mượn hồ sơ đi làm việc thì giữa bà và bà P không còn mục đích nào khác. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Vũ Thị H và Công ty Cổ phần P1 vô hiệu. Bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Phương trình B: Bà P và bà Vũ Thị H có mối quan hệ chị em ruột. Khoảng năm 2004 do bà P chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động, không có việc làm để nuôi bản thân nên bà đã mượn chứng minh nhân dân của bà Vũ Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 và tham gia bảo hiểm xã hội số 9104069411. Trong khoảng thời gian bà mượn hồ sơ thì bà H đang làm việc tại Công ty TNHH Q và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9103050456. Trên thực tế chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 trong khoảng thời gian từ tháng 6/2004 đến tháng 8/2007 không phải là bà H nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật và bị vô hiệu. Do hiểu biết pháp luật hạn chế nên bà đã mượn hồ sơ để đi làm việc mà không nghĩ đến hậu quả pháp lý như hiện nay. Ngoài mục đích cho mượn hồ sơ đi làm việc thì giữa bà và bà H không còn mục đích nào khác. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 thì Công ty đã giải quyết chế độ cho bà nên bà không có yêu cầu gì trong việc lao động này. Vì vậy, bà P đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H. Bà P không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Bà Trần Minh T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần P1 trình bày: Theo dữ liệu còn lưu trữ tại Công ty Cổ phần P1 thì bà Vũ Thị H được nhận vào làm việc tại công ty từ ngày 02/4/2004, sau đó đã nghỉ việc. Do bà H đã nghỉ việc trong thời gian dài nên mọi thông tin về người lao động tên Vũ Thị H không còn lưu trữ để cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, đối với yêu cầu của bà H thì Công ty đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm

y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần P1 cho người lao động thì công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Vũ Thị H với mã số BHXH 9104069411 từ tháng 06/2004 đến tháng 10/2013 tại Công ty Cổ phần P1, đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Ngoài ra bà H còn có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 8/2014 đến tháng 11/2023 tại Công ty TNHH U. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Vũ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà H, BHXH không lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà H thì Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Phan Thị Xuân M là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị P, Bảo hiểm xã hội thành phố D và Công ty Cổ phần P1 đều có yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà Vũ Thị H xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2004 đến tháng 6/2005, bà H làm việc tại Công ty TNHH Q và tham gia bảo hiểm xã hội. Từ tháng 8/2014 đến tháng 11/2023, bà H làm việc tại Công ty TNHH U và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số sổ 9104069411. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần P1 và bà Vũ Thị H phát sinh từ hợp đồng lao động ký kết trong khoảng thời gian vào tháng 6/2004. Tuy nhiên, bà H và bà P thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 và thực tế làm việc tại công ty là bà Vũ Thị P chứ không phải bà Vũ Thị H. Do bà P chưa đủ tuổi, cần hồ sơ xin việc làm nên bà H đã cho bà P mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Lời trình bày của bà H, bà P là phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội và lời trình bày của Công ty Cổ phần P1. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, người tên Vũ Thị H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần P1. Xét thấy, việc bà Vũ Thị P sử dụng chứng minh nhân dân của bà Vũ Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 và Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994. Vì vậy, hợp đồng lao động bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Vũ Thị H bị trùng trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần P1. Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Cổ phần P1 với bà Vũ Thị H bị vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị P, Bảo

hiểm xã hội thành phố D và Công ty Cổ phần P1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Vũ Thị H phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 33, Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 9 và Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Vũ Thị H.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Vũ Thị H với Công ty Cổ phần P1 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007573 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP. Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Chu Thị Vân**